

Bản án số: **06/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 05/02/2018

V/v ly hôn giữa chị P và
anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Khánh Toàn;

2. Bà Lý Thị Duyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Sầm Thị P**, sinh năm 1977; (Có mặt)

Bị đơn: **Triệu Tiến T**, sinh năm: 1976; (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Sầm Thị P trình bày: Chị và anh Triệu Tiến T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1995, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại thôn B, xã T, huyện C. Tuy nhiên sau đó cuộc sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chịu giúp gia đình làm ăn kinh tế, lại thường xuyên uống rượu say, đánh đập vợ con, đã nhiều lần chị phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Nhưng sau đó anh T vẫn thường xuyên uống rượu say và đánh đập vợ con, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài liên tục và ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do không chịu được bạo lực nên chị đã bỏ đi sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, trong

thời gian sống ly thân vợ chồng chị không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không được hàn gắn. Đến nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị P xác định vợ chồng chị có ba con chung, gồm: Triệu Bảo Tr, sinh ngày 04/5/1996; Triệu Thị T, sinh ngày 11/11/1998 và Triệu Phúc Đ, sinh ngày 19/12/2003. Hiện nay cháu Tr và cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi, đều khỏe mạnh và phát triển bình thường do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Đ, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị P xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị P xác định vợ chồng chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018, bị đơn Triệu Tiến T trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh tự nguyện chung sống và kết hôn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa thuận, không hạnh phúc nên chị P đã bỏ đi sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng anh có ba con chung như chị Sầm Thị P đã trình bày. Hiện nay các con chung là Triệu Bảo Tr và Triệu Thị T đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường do vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Triệu Phúc Đ, sau khi ly hôn anh nhất trí giao cho chị Phg trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng anh tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác định vợ chồng anh không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Triệu Tiến T còn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh vì hiện nay anh bận nhiều công việc nên không tham gia phiên tòa được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX sơ thẩm căn cứ các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, xem xét quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phương. Chị P được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao con chung là Triệu Phúc Đ, sinh ngày 19/12/2003 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết
- Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 chị Phương phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn nhận định:

1. *Về tố tụng*: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo Điều 205 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng bị đơn Triệu Tiến T đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

2. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Sầm Thị P và anh Triệu Tiến T là hợp pháp. Hai bên đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T không chịu giúp gia đình làm ăn, thường xuyên uống rượu say và đánh đập vợ con, đã nhiều lần chính quyền địa phương phải can thiệp giải quyết. Bản thân chị P cũng đã khuyên bảo chồng nhiều lần, nhưng anh T vẫn thường xuyên uống rượu say và có hành vi bạo lực đối với vợ con, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài liên tục, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị P cương quyết xin ly hôn và anh T cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

3. *Về con chung*: Các đương sự có 03 con chung tên là: Triệu Bảo Tr, sinh ngày 04/5/1996; Triệu Thị T, sinh ngày 11/11/1998 và Triệu Phúc Đ, sinh ngày 19/12/2003. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự xác định cháu Triệu Bảo Tr và cháu Triệu Thị T đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nuôi con chung đối với cháu Tr và cháu T.

Đối với cháu Triệu Phúc Đ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phương có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2018, anh T cũng nhất trí sau khi ly hôn giao con chung là Triệu Phúc Đ cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Đ cũng có đơn đề nghị sau khi bố mẹ ly hôn được sống cùng với mẹ để ổn định cuộc sống và môi trường học tập.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Sầm Thị P không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do vậy, căn cứ vào các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận thỏa thuận trên của hai bên đương sự.

4. *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Sầm Thị P. Chị Sầm Thị P được ly hôn anh Triệu Tiến T.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Triệu Phúc Đ, sinh ngày 19/12/2003 cho chị Sầm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến năm con chung đủ 18 tuổi. Anh Triệu Tiến T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Sầm Thị P không yêu cầu, do vậy anh Triệu Tiến T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Chị Sầm Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do chị P đã nộp theo biên lai số 07647, ngày 15/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Tân Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Hồng Giang